

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN HOÀNG GIA**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ PHÁT TRIỂN HOÀNG GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: HOANG GIA DEVELOPMENT SERVICE COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108180252

**3. Ngày thành lập:** 12/03/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 79 Dịch Vọng Hậu, Phường Dịch Vọng Hậu, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                           | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Đại lý du lịch<br>Chi tiết: Hoạt động của các cơ quan chủ yếu thực hiện việc bán các sản phẩm du lịch, tua du lịch, dịch vụ vận tải và lưu trú cho khách du lịch... | 7911     |
| 2.  | Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác                                                                                                                              | 8129     |
| 3.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại                                                                                                                           | 8230     |
| 4.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                 | 8299     |
| 5.  | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                              | 3313     |
| 6.  | Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế                                                                                                                                       | 3100     |
| 7.  | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                              | 3311     |
| 8.  | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                          | 3312     |
| 9.  | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                              | 3314     |
| 10. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                     | 4322     |
| 11. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                      | 4330     |
| 12. | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý, môi giới                                                                                                             | 4610     |
| 13. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô                                                                              | 4933     |
| 14. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa                                                                                                                                         | 5210     |
| 15. | Bốc xếp hàng hóa                                                                                                                                                    | 5224     |
| 16. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                    | 5610     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 17. | Dịch vụ ăn uống khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 5629        |
| 18. | Cho thuê xe có động cơ                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7710        |
| 19. | Điều hành tua du lịch<br>Chi tiết:<br>Hoạt động thu xếp, kết nối các tua đã được bán thông qua các đại lý du lịch hoặc trực tiếp bởi điều hành tua. Các tua du lịch có thể bao gồm một phần hoặc toàn bộ các nội dung: vận tải, dịch vụ lưu trú, ăn, thăm quan các điểm tham quan du lịch như bảo tàng, di tích lịch sử, di sản văn hóa, nhà hát, ca nhạc hoặc các sự kiện thể thao | 7912        |
| 20. | Vệ sinh chung nhà cửa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8121        |
| 21. | Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 8130        |
| 22. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 3320        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4321        |
| 24. | Đại lý ô tô và xe có động cơ khác<br>(Trừ hoạt động đầu giá ô tô và xe có động cơ khác)                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4513        |
| 25. | Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết:<br>+ Sửa chữa thân xe,<br>+ Sửa chữa các bộ phận của ô tô,<br>+ Rửa xe, đánh bóng, phun và sơn,<br>+ Sửa tấm chắn và cửa sổ,<br>+ Sửa ghế, đệm và nội thất ô tô,<br>+ Sửa chữa, bơm vá xăm, lốp ô tô, lắp đặt hoặc thay thế,                                                                                            | 4520(Chính) |
| 26. | Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác<br>Chi tiết: Bán buôn, bán lẻ và đại lý phụ tùng, các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác.                                                                                                                                                                                                            | 4530        |
| 27. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 2591        |
| 28. | Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 2592        |
| 29. | Sửa chữa thiết bị khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 3319        |
| 30. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện<br>Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự                                                                                                                                                                                                                       | 4649        |
| 31. | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 4651        |
| 32. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 4652        |
| 33. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 4653        |
| 34. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4659        |

|     |                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 35. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759 |
| 36. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác                                                                                                                     | 7730 |